

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08 – 5 – 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Lâm.
2. Ông Nguyễn Văn Châu.

Thư ký phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Bạch T**(tên gọi khác: Lê Thị Ánh T).

Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông **Trần Công D**.

Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

(Các đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 3 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại Phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị Bạch T trình bày:

Bà Lê Thị Bạch T và ông Trần Công D cưới nhau vào năm 1996 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 08 tháng 02 năm 1996, là hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, bà T với ông D chung sống

hạnh phúc cho đến ngày 06 tháng 5 năm 2014 âm lịch thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vì bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc và ông, bà không còn chung sống với nhau từ ngày 06 tháng 5 năm 2014 âm lịch. Nay bà T yêu cầu được ly hôn với ông D.

Bà T và ông D có 03 người con chung tên Trần Chiêu B, sinh ngày 27 tháng 5 năm 1997 và Trần Thị L, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2000, đều đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết; Trần Hoàng K, sinh ngày 25 tháng 01 năm 2002, hiện đang sống với ông D, bà đồng ý giao cháu K cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại Phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Trần Công D trình bày:

Ông D thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn, vì vợ chồng tuy có mâu thuẫn nhưng không trầm trọng đến mức phải ly hôn. Ông còn thương vợ, không muốn việc ly hôn ảnh hưởng đến cuộc sống các con nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông với bà T có 03 người con chung như bà T trình bày là đúng. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K; không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Trong biên bản ghi ý kiến ngày 19 tháng 4 năm 2019 tại Tòa án, đã ghi nhận nguyện vọng của em Trần Hoàng K là muốn chung sống với ông D.

4. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về nội dung thì cho rằng có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, do bị đơn có nơi cư trú tại ấp 3, xã P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, nên Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông D được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 08 tháng 02 năm 1996, nay

bà T yêu cầu ly hôn, vấn đề này được Hội đồng xét xử xem xét như sau: Ông D cho rằng ông còn thương vợ và việc ly hôn sẽ ảnh hưởng đến các con nên ông không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, trong phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, vì cho rằng bà không còn tình cảm với ông D, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc. Ông, bà đều thừa nhận là vợ, chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2014 đến nay. Như vậy, bà T với ông D không còn chăm sóc, giúp đỡ nhau và điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T với ông D không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà T và ông D có 03 con chung tên: Trần Chiêu B, sinh ngày 27 tháng 5 năm 1997 và Trần Thị L, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2000, đều đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết; Trần Hoàng K, sinh ngày 25 tháng 01 năm 2002. Theo biên bản ghi ý kiến thì cháu K có nguyện vọng sống chung với ông D, đồng thời bà T và ông D cũng thống nhất là giao cháu K cho ông D nuôi dưỡng đến trưởng thành, bà T không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, cần giao cháu K cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu tròn 18 tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận ý kiến của ông D là không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về nghĩa vụ, quyền của bà T đối với con: Bà T không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với ông D; bà cũng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định của khoản 1, 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều thống nhất là không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Lê Thị Bạch T (tên gọi khác: Lê Thị Ánh T) được ly hôn với bị đơn ông Trần Công D.

2. Về con chung:

- Giao cháu Trần Hoàng K, sinh ngày 25 tháng 01 năm 2002 cho ông Trần Công D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu K tròn 18 (mười tám) tuổi.

- Bà Lê Thị Bạch T (Lê Thị Ánh T) không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Bà Lê Thị Bạch T (Lê Thị Ánh T) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Bạch T (Lê Thị Ánh T) phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003622 ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Bà T đã nộp xong án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh